

Số: 18.../XNK-TCKT

(V/v giải trình lợi nhuận năm 2021 tăng so với năm 2020)

An Giang, ngày 24 tháng 02 năm 2022

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.**

Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang (Angimex) xin giải trình về việc lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 tăng so với năm 2020 là do nguyên nhân chủ yếu như sau:

1. BCTC riêng:

Trong năm 2021, Công ty đẩy mạnh bán hàng xuất khẩu, ký kết các hợp đồng mới và tăng sản lượng tiêu thụ cung ứng xuất khẩu, nội địa đã làm cho doanh thu trên BCTC riêng năm 2021 Angimex tăng mạnh 1.109.733 triệu đồng, tương ứng tăng 62,7% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, doanh thu hoạt động tài chính cũng tăng mạnh 31.366 triệu đồng tương ứng tăng 151,7% đây là nguyên nhân chính làm cho lợi nhuận sau thuế tăng 8.303 triệu đồng, tăng 41,8% so với cùng kỳ.

2. BCTC hợp nhất:

Tương tự báo cáo riêng, doanh thu Ngành lương thực tăng mạnh ở tất cả các mảng như xuất khẩu, gạo nội địa và cung ứng đã làm doanh thu hợp nhất năm 2021 tăng 1.964.663 tương ứng 100,2% so với cùng kỳ, lợi nhuận gộp tăng 79.968 tương ứng tăng 51,8%.

Ảnh hưởng của dịch bệnh kéo dài và giãn cách xã hội, hoạt động các Công ty liên doanh liên kết không hiệu quả so cùng kỳ. Tuy nhiên năm 2021, Công ty có khoản lợi nhuận khác tăng 7.132 triệu đồng đã làm cho lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng 19.959 triệu đồng, tăng 80,6% so với cùng kỳ.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	BCTC riêng				BCTC Hợp nhất			
	2021	2020	Chênh lệch	%	2021	2020	Chênh lệch	%
Doanh thu thuần BH và CCDV	2.878.720	1.768.987	1.109.733	62,7	3.924.841	1.960.178	1.964.663	100,2
Giá vốn hàng bán	2.763.926	1.652.264	1.111.662	67,3	3.690.587	1.805.892	1.884.695	104,4
Lợi nhuận gộp	114.794	116.723	-1.929	-1,7	234.253	154.285	79.968	51,8
Doanh thu hoạt động tài chính	52.048	20.682	31.366	151,7	47.158	16.071	31.087	193,4
Chi phí tài chính	18.700	17.921	779	4,3	27.304	18.000	9.304	51,7
Trong đó: lãi vay	12.632	15.369	-2.737	-17,8	20.300	15.404	4.896	31,8
Phần lãi lỗ trong Cty LDLK			0		551	3.687	-3.136	-85,1
Chi phí bán hàng	89.145	91.270	-2.125	-2,3	176.171	114.020	62.151	54,5
Chi phí quản lý DN	25.207	14.340	10.867	75,8	36.236	19.969	16.267	81,5
Lợi nhuận từ hoạt động KD	33.790	13.873	19.917	143,6	42.252	22.055	20.197	91,6
Lợi nhuận khác	1.279	10451	-9.172	-87,8	15.337	8.205	7.132	86,9
Tổng lợi nhuận trước thuế	35.069	24.325	10.744	44,2	57.589	30.260	27.329	90,3
Thuế TNDN hiện hành	6.774	4.274	2.500	58,5	12.767	5.341	7.426	139,0
Thuế TNDN hoãn lại	109	166	-57	-34,3	109	167	-58	-34,7
Lợi nhuận sau thuế TNDN	28.187	19.884	8.303	41,8	44.712	24.753	19.959	80,6

Kính trình Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh được biết.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT



TỔNG GIÁM ĐỐC

VÕ THANH BÀO